

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST  
Ngày 14-4-2026  
V/v Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh  
chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lành Thị Vệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nông Bích Vân;

Bà Lý Thị Phẩm.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Choi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2026/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc: Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn T, sinh năm 1997; số căn cước công dân: 0200970042207, cấp ngày 17/9/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội –Bộ C1; địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1995; số căn cước công dân: 020195008481, cấp ngày 13/10/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C1; địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Minh H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/3/2026, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị T1 chung sống vợ chồng cùng nhau từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và có đăng ký kết hôn ngày 09/9/2014 tại Ủy ban nhân

dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã L, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2025 thì nảy sinh mâu thuẫn do quan điểm, lối sống không còn hợp nhau, chị Hoàng Thị T1 không quan tâm gia đình, đi làm công ty không gửi tiền về nuôi con, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2025 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Hoàng Thị T1 và tại thời điểm đăng ký kết hôn anh chưa đủ tuổi kết hôn do đó anh đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật. Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị T1 có 02 con chung là cháu Hà Thị Thùy C, sinh ngày 27/7/2014 và cháu Hà Thị Lệ Q, sinh ngày 04/01/2017, sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Thị Lệ Q, yêu cầu chị Hoàng Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Thị Thùy C, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Hoàng Thị T1 trình bày: Chị và anh Hà Văn T chung sống vợ chồng cùng nhau từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, có đăng ký kết hôn ngày 09/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã L, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2025 thì nảy sinh mâu thuẫn do quan điểm, lối sống không hợp nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2025 đến nay, trong thời gian ly thân anh chị không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Hà Văn T nữa nên anh Hà Văn T yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật do thời điểm đăng ký kết hôn anh Hà Văn T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định thì chị cũng nhất trí. Về con chung: Chị và anh Hà Văn T có 02 con chung là cháu Hà Thị Thùy C, sinh ngày 27/7/2014 và cháu Hà Thị Lệ Q, sinh ngày 04/01/2017, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục H, nhất trí để anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Hà Thị Lệ Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã L trình bày tại văn bản số 390/UBND-VP, ngày 27/3/2026 như sau: Qua kiểm tra các hồ sơ hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã L từ năm 2014 đến nay, hồ sơ đăng ký kết hôn của ông Hà Văn T với bà Hoàng Thị T1 không còn được lưu giữ. Do đó, Ủy ban nhân dân xã không có căn cứ để xác định năm sinh của ông Hà Văn T khi thực hiện đăng ký kết hôn năm 2014 là dựa trên giấy tờ nào. Ủy ban nhân dân xã không thể xác định được độ tuổi của ông Hà Văn T khi đăng ký kết hôn có đúng hay không. Ngày 02/3/2026 Ủy ban nhân dân xã L nhận được hồ sơ đề nghị cải chính hộ tịch của ông Hà Văn T. Sau khi kiểm tra, xác minh Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện cải chính giấy chứng nhận kết hôn cho ông Hà Văn T, năm sinh từ năm 1994 thành năm sinh 1997. Việc thực hiện cải chính năm sinh của ông Hà Văn T trong giấy chứng nhận kết hôn được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo khoản 1 Điều 28 Luật Hộ tịch năm 2014 và căn cứ tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều

và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. Việc kết hôn của ông Hà Văn T đã vi phạm tại điểm a, khoản 1, Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vi phạm quy định về độ tuổi kết hôn. Do đó, UBND xã đề nghị Tòa án Nhân dân Khu vực 5 xử lý việc kết hôn trái pháp luật theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 16, 17 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 11, 12, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Hà Văn T: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014, ngày 09/9/2014 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Về con chung: Anh Hà Văn T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thị Lê Q, sinh ngày 04/01/2017, chị Hoàng Thị T1 có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thị Thùy C, sinh ngày 27/7/2014, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí đề nghị miễn án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Hà Văn T khởi kiện yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung, do đó xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn B Choong B, xã L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Phiên tòa mở lần đầu, các đương sự đều vắng mặt nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu và các lời khai của các đương sự, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ để xác định: Anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T1 chung sống với nhau từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh

Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014, quyền số 01/2014 ngày 09/9/2014, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp về hình thức. Tuy nhiên, theo Văn bản số 390/UBND-VP ngày 27/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã L và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 02/3/2026, Ủy ban nhân dân xã L đã thực hiện cải chính hộ tịch, điều chỉnh năm sinh của anh Hà Văn T từ năm 1994 thành năm 1997. Ngoài ra, giấy khai sinh và căn cước công dân của anh Hà Văn T đều thể hiện anh Hà Văn T sinh năm 1997. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 09/9/2014, anh Hà Văn T mới 17 tuổi, chưa đủ tuổi theo quy định của pháp luật về độ tuổi kết hôn đối với nam giới. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới đủ điều kiện kết hôn. Do đó, việc kết hôn giữa anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T1 đã vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn, là kết hôn trái pháp luật. Căn cứ Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định về hủy việc kết hôn trái pháp luật, khi có yêu cầu của một trong các bên hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án xem xét, quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trong vụ án này, cả anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T1 đều xác định không còn tình cảm, đồng thời thống nhất đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật, nên yêu cầu của các đương sự là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, cần được chấp nhận.

[4] Việc nuôi con chung: Anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T1 có 02 con chung là cháu Hà Thị Thùy C, sinh ngày 27/7/2014 và cháu Hà Thị Lệ Q, sinh ngày 04/01/2017. Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T1 đã thống nhất anh Hà Văn T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hà Thị Lệ Q; chị Hoàng Thị T1 có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hà Thị Thùy C cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc tự thống nhất của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Đồng thời, việc mỗi người nuôi một người con sẽ đảm bảo điều kiện để chăm sóc các cháu được tốt hơn. Do đó giao cho anh Hà Văn T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hà Thị Lệ Q; chị Hoàng Thị T1 có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hà Thị Thùy C cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con được quy định tại Điều 69, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T1 đều trình bày không có. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Hà Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình, tuy nhiên anh Hà Văn T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí nên anh Hà Văn T được miễn toàn bộ án phí.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 7, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 15; Điều 16; Điều 17 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 2 Điều 12; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14; khoản 6 Điều 15; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy hôn nhân trái pháp luật giữa anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2014, quyển số 01/2014 ngày 09/9/2014 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn). Anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T1 chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho anh Hà Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hà Thị Lệ Q, sinh ngày 04/01/2017 cho đến khi cháu Hà Thị Lệ Q thành niên (đủ 18 tuổi)

2.2. Giao cho chị Hoàng Thị T1 có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hà Thị Thùy C, sinh ngày 27/7/2014 cho đến khi cháu Hà Thị Thùy C thành niên (đủ 18 tuổi).

2.3. Anh Hà Văn T, chị Hoàng Thị T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Anh Hà Văn T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lành Thị Vệ**